

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: 204/2 khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Đinh Trung T, sinh năm 1990; địa chỉ: Căn hộ B-09-08 tổ dân phố 7, khu phố 3, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Huy H, sinh năm 1981; địa chỉ: 10/29B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

3. *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

- Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1990, địa chỉ: 171/D2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: 204/2, tổ 9, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh là hàng xóm của anh Trần Quốc Th, anh Th quen biết anh Ngô Huy H. Ngày 10/01/2020 anh L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS16092 đối với thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 110, tọa lạc khu phố 1B, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh B, diện tích đất 494,6 m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác. Do có nhu cầu xây nhà nên anh L dự tính sẽ chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở với diện tích 200 m². Qua anh Th giới thiệu, anh L được biết việc anh H có làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất, làm với tư cách cá nhân. Anh và anh H hẹn gặp nhau tại nhà anh L, địa chỉ 204/2 tổ 9, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B. Sau khi anh trao đổi yêu cầu thì hai bên thống nhất ký Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020, mẫu hợp đồng do anh H đưa ra, anh H cũng là người trực tiếp điền thông tin vào hợp đồng. Hai bên thống nhất anh H sẽ làm thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở (lên thổ cư) với diện tích 200m², vị trí ở mặt trước giáp đường của thửa đất. Trong mẫu hợp đồng có nội dung “2. Tách thửa đất”, tuy nhiên do anh không có nhu cầu tách thửa nên anh H ghi rõ nội dung “Lên thổ cư: 200 m²”. Tổng chi phí trọn gói để anh H hoàn tất thủ tục cho anh là 680.000.000 đồng, gồm tiền nộp ngân sách nhà nước theo quy định và chi phí dịch vụ, các khoản khác kèm theo nếu có (thuế, phí)...cho đến khi anh H hoàn tất thủ tục, đăng ký biến động chuyển mục đích xong cho anh L. Anh H báo tổng chi phí như vậy để hoàn tất dịch vụ, không nói rõ từng loại chi phí bao nhiêu.

Theo mẫu hợp đồng ghi thời hạn thực hiện hợp đồng là 45 ngày, tuy nhiên anh H cam kết sẽ thực hiện trong vòng 35 ngày là hoàn thành hồ sơ. Về phương thức thanh toán theo thỏa thuận như sau:

- + Đợt 1 sau khi ký kết hợp đồng anh H tạm ứng 50.000.000 đồng;
- + Đợt 2: anh L giao anh H 200.000.000 đồng.
- + Đợt 3: Anh L giao anh H nốt số tiền còn lại sau khi hoàn tất công việc.

Ngay sau khi ký hợp đồng anh đã giao anh H 50.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận; Thời điểm này quyền sử dụng đất của anh đang được thế chấp ở Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Bình Dương, anh có liên lạc trước với Ngân hàng, đề nghị mượn sổ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để đi làm thủ tục chuyển mục đích, Ngân hàng đồng ý, sau đó anh H tự liên hệ với

Ngân hàng để làm các thủ tục có liên quan. Đợt 02 (không nhớ rõ ngày), anh H cho anh xem bản trích lục thửa đất có thể hiện 200 m² đất ở có mốc đỏ của cơ quan nhà nước, anh giao cho anh H 150.000.000 đồng (do lúc này anh chưa xoay tiền kịp nên anh H thống nhất sẽ giao trước 150.000.000 đồng, anh H nhận tiền và tự sửa lại trong hợp đồng thành “Đợt 2: Bên B thanh toán cho bên A là 150.000.000 đồng”. Ngày 28/3/2020 anh H nói đã làm xong thủ tục, anh giao tiếp cho anh H 200.000.000 đồng. Ngày 30/3/2020 anh H có cho anh xem giấy hẹn của cơ quan tài nguyên môi trường thị xã Thuận An, nói anh giao nốt tiền để nộp tiền vào cơ quan nhà nước và lấy sổ ra, anh đã giao cho anh H 280.000.000 đồng. Toàn bộ chữ ký và chữ viết được điền vào Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020 là của anh H, mỗi đợt nhận tiền anh và anh H thống nhất mới giao tiền và anh H ký nhận. Sau đó một thời gian anh không thấy anh H nói gì thì có liên lạc Ngân hàng Liên Việt thì được biết anh H chưa hoàn tất thủ tục chuyển mục đích và Ngân hàng chưa lấy lại được giấy chứng nhận. Anh gọi điện cho anh H, lúc này anh H nói đã giao hồ sơ và giao tiền cho người khác để làm thủ tục nhưng anh L không biết giao cho ai, đang hỏi thúc để đóng tiền vào để lấy sổ. Đến nhiều tháng sau anh liên lạc anh H không nghe máy, chặn cuộc gọi, và không liên lạc được. Ngày 04/02/2021 anh tự liên hệ với cơ quan tài nguyên và môi trường thành phố T và đóng số tiền bao gồm: 4.800.000 đồng phí trước bạ nhà đất; phí chuyển mục đích 1.132.400.000 đồng; tiền phạt vi phạm hành chính 79.835.000 đồng và 382.000 đồng do đóng phí, thuế liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất trễ hạn (theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 04/02/2021). Như vậy, tổng số tiền anh đã giao cho anh H để thực hiện dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 200m² tại thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 110, tọa lạc khu phố 1, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh B là 680.000.000 đồng, tuy nhiên anh là người phải đóng tiền ở cơ quan nhà nước, chịu các loại khoản phí, thuế, phạt phát sinh do lỗi của anh H.

Nay anh L khởi kiện yêu cầu: Tuyên hủy hợp đồng dịch vụ được ký ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa anh Nguyễn Văn L và anh Ngô Huy H và yêu cầu anh Ngô Huy H phải trả lại cho anh số tiền là 680.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng); Trả tiền phạt hợp đồng 3% của 680.000.000 đồng theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng, tương ứng số tiền phạt là 20.400.000 đồng (hai mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng); Trả tiền phạt vi phạm hành chính do chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo Giấy nộp tiền số 1087365 và 1087406 ngày 04 tháng 02 năm 2021, tổng số tiền là 85.017.000 đồng (tám mươi lăm triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng).

Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/9/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc trả tiền phạt hợp đồng 3% của 680.000.000 đồng theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng, tương ứng số tiền phạt là 20.400.000 đồng (hai mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- *Bị đơn anh Ngô Huy H:* Anh H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được thông báo về thời gian Tòa án triệu tập đến Tòa án tự khai trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022, người làm chứng Trần Quốc Th trình bày:* Anh là hàng xóm của anh L, trước đây anh H làm tài xế lái xe cho nhà anh nên thỉnh thoảng cũng có gặp mặt. Ngày 20/3/2020 anh H lên nhà anh, có nói về việc nhận làm dịch vụ chuyển thổ cư (chuyển mục đích sử dụng đất), anh biết anh L mới mua đất và có nhu cầu lên thổ cư nên giới thiệu anh H qua nhà L để trao đổi. Anh có đi chung với anh H qua nhà anh L, có ngồi chung với các bên lúc trao đổi, tuy nhiên do anh không chú ý nên không rõ nội dung các bên thỏa thuận như thế nào, chỉ biết anh H nhận làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất cho anh L. Lúc hai bên ký kết Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020 và anh L đưa trước cho anh H 50.000.000 đồng thì anh chứng kiến việc ký tên, việc giao nhận tiền, sau đó anh ký tên vào mục Người làm chứng trong hợp đồng. Như vậy anh xác định chữ ký ở cuối hợp đồng là do anh H, anh L trực tiếp ký, lăn tay và anh H đã nhận 50.000.000 đồng từ anh L. Về sự việc giao tiền, trao đổi... giữa các bên sau khi ký hợp đồng thì anh không biết, không liên quan. Ngoài ra anh không biết nội dung nào khác liên quan đến sự việc giữa anh L và anh H.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là mẹ ruột của anh L, bà có biết anh Th do có thuê nhà của anh Th, không biết anh H. Ngày 20/3/2020 bà có thấy anh H và anh Th qua nhà để trao đổi với L về việc lên thổ cư đất. Cụ thể nội dung các bên thỏa thuận với nhau như thế nào thì bà không rõ. Sau khi các bên nói chuyện một lúc thì bà thấy H điền vào hợp đồng, hai bên ký tên và bà vào nhà lấy 50 triệu đồng cho L để đưa cho H. Do anh L chưa kết hôn nên bà là người giữ tiền cho anh L, sau đó bà có đưa tiền cho anh L thêm 03 lần: lần đầu không nhớ ngày đưa 150.000.000 đồng; ngày 28/3/2020 đưa 200.000.000 đồng; ngày 30/3/2020 đưa 280.000.000 đồng. Tất cả những lần này bà đưa tiền cho anh L, sau đó anh L đưa hết cho anh H ngay tại nhà. Sau đó bà không gặp anh H nữa. Toàn bộ khoản tiền mà anh L giao cho H đều là tiền của anh L. Ngoài ra bà không biết và chứng kiến nội dung nào khác.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ

để tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2022 và 20/9/2022 nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn anh Ngô Huy H đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2022 và ngày 20/9/2022 nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn và những người làm chứng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/9/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L đề nghị được rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả 20.400.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020 được giao kết giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L và bị đơn anh Ngô Huy H, có chữ ký của anh L và anh H dưới sự chứng kiến của anh Trần Quốc Th. Việc giao kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

[4] Nội dung Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020 thể hiện: Bên B (anh L) đồng ý cho bên A (anh H) làm hồ sơ nhà đất (lên thổ cư 200 m²), đất tọa lạc phường A, thành phố T, tỉnh B, giá: 680.000.000 đồng. Trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L về thời gian thực hiện hợp đồng: 35 ngày hoàn thành hồ sơ, các đợt giao tiền: lần 1 tạm ứng 50.000.000 đồng, lần 2 thanh toán 150.000.000 đồng, lần 3 thanh toán 200.000.000 đồng, lần 4 thanh toán 280.000.000 đồng phù hợp với nội dung bản hợp đồng nguyên đơn cung cấp và có chữ ký xác nhận Ngô Huy H. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo cho bị đơn về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy có căn cứ xác định việc nguyên đơn đã giao cho bị đơn tổng số tiền là 680.000.000 đồng để làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất tại địa chỉ: thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 110, tọa lạc khu phố 1, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh B. Theo thỏa thuận thời hạn thực hiện hợp đồng là 35 ngày thì anh H phải

hoàn tất các thủ tục chuyển mục đích, tuy nhiên bị đơn anh Ngô Huy H không hoàn thành công việc theo thỏa thuận là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 517 Bộ luật Dân sự. Đến nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng dịch vụ là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 423 Bộ luật Dân sự.

[5] Khoản 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự quy định về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng: “... 2. *Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản....*”. Nguyên đơn thừa nhận sau khi giao kết hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần hợp đồng, cụ thể đến ngày 06/4/2020 UBND thành phố Thuận An đã ban hành Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 200 m² tại thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 110, tọa lạc khu phố 1B, phường A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh B. Tuy nhiên quá trình tố tụng anh Ngô Huy H không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng là từ bỏ quyền của mình, không có căn cứ để xem xét khấu trừ chi phí cho bị đơn, do đó buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đã nhận là 680.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu trả lại tiền chậm nộp thuế, phí: Ngày 15/4/2020 Chi cục Thuế thị xã (nay là thành phố) Thuận An đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất đối với anh Nguyễn Văn L. Tuy nhiên anh H không nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo thỏa thuận. Ngày 04/02/2021 anh L mới biết và nộp tiền, dẫn tới việc phát sinh số tiền chậm nộp là 382.000 đồng và 79.835.000 đồng (theo kết quả xác minh ngày 16/9/2022 tại Chi cục thuế thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương). Đây là thiệt hại của nguyên đơn phát sinh do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng dịch vụ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền chậm nộp mà nguyên đơn đã phải nộp cho nhà nước chính là yêu cầu bồi thường thiệt hại, có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 360, khoản 3 Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, xét tổng số tiền chậm nộp theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 1087365 và số 1087406 ngày 04/02/2021 là 80.217.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 85.017.000 đồng là chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Đối với số tiền 4.800.000 đồng bị đơn không chứng minh được thiệt hại nên không chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận. Bị đơn anh Ngô

Huy H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 238, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 357, 360, 423, 468, 513 và Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Ngô Huy H trả 20.400.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” với bị đơn anh Ngô Huy H.

2.1. Hủy Hợp đồng dịch vụ ngày 20/3/2020 giao kết giữa anh Ngô Huy H và anh Nguyễn Văn L.

2.2. Buộc anh Ngô Huy H trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền đã nhận là 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng.

2.3. Buộc anh Ngô Huy H bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền chậm nộp thuế, phí là 80.217.000 (tám mươi triệu hai trăm mười bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L về việc yêu cầu anh Ngô Huy H bồi thường số tiền chậm nộp thuế, phí là 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm : Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào 18.535.425 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004055, ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An. Trả lại cho anh Nguyễn Văn L 18.235.425 (mười tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng tạm ứng án phí còn lại.

Anh Ngô Huy H phải chịu 34.408.680 (ba mươi bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn sáu trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án tr ong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân